



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẢI PHÒNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 – 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 – 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 – 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07 – 08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ sổ Kiến thiết Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

BAN QUẢN LÝ

Các thành viên của Ban Quản lý Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Quản lý

Ông Lê Văn Phúc	Chủ tịch
Ông Vũ Nguyên Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Quốc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Ông Lê Văn Phúc	Chủ tịch
-----------------	----------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Nguyên Khánh

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Số. 47/IPA/BCKT**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Chủ sở hữu****Chủ tịch và Ban Giám đốc****Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2025, từ trang 05 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ngô Tiến Thành

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 3754-2021-329-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ
VẤN IPA**

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Trần Thị Quy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 6171-2023-329-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		59.397.288.810	60.729.570.697
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.769.062.727	4.452.505.732
1. Tiền	111		2.769.062.727	1.952.505.732
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	50.300.000.000	50.470.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		50.300.000.000	50.470.000.000
III. Phải thu ngắn hạn	130		4.465.978.818	4.011.875.067
1. Phải thu khách hàng	131	6	299.342.584	241.822.415
2. Trả trước cho người bán	132		191.600.000	703.216.205
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	6	2.456.276.971	872.123.678
4. Các khoản phải thu khác	135	7	1.797.159.816	2.473.113.322
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(278.400.553)	(278.400.553)
IV. Hàng tồn kho	140		560.776.900	594.335.641
1. Hàng tồn kho	141	8	560.776.900	594.335.641
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.301.470.365	1.200.854.257
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	616.015.431	515.399.323
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	685.454.934	685.454.934
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+250+260)	200		26.808.095.143	26.028.751.855
I. Tài sản cố định	220		26.487.743.091	25.933.864.570
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	25.520.133.657	20.813.586.047
- Nguyên giá	222		38.771.427.894	33.756.209.367
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.251.294.237)	(12.942.623.320)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		158.710.500	158.710.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(158.710.500)	(158.710.500)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		967.609.434	5.120.278.523
II. Tài sản dài hạn khác	260		320.352.052	94.887.285
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	320.352.052	94.887.285
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		86.205.383.953	86.758.322.552

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		13.932.222.050	14.485.160.649
I. Nợ ngắn hạn	310		13.424.066.400	13.976.604.999
1. Phải trả người bán	312		1.204.753.717	537.235.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.308.005.606	2.566.842.934
3. Phải trả công nhân viên	315		2.037.937.414	2.144.578.490
4. Phải trả nội bộ	317		30.880.367	225.025.699
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	1.291.229.246	2.263.069.525
6. Dự phòng phải trả nợ ngắn hạn	320	14	3.550.275.997	3.701.374.636
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.000.984.053	2.538.478.715
II. Nợ dài hạn	330		508.155.650	508.555.650
1. Phải trả dài hạn khác	333	13	508.155.650	508.555.650
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		72.273.161.903	72.273.161.903
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	72.273.161.903	72.273.161.903
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		72.194.184.216	72.194.184.216
2. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		78.977.687	78.977.687
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		86.205.383.953	86.758.322.552



Vũ Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Lê Thu Hương
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hiền
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu	01		97.973.430.763	90.811.480.007
1.1.	Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		95.542.890.907	88.385.645.460
1.1.1.	Xổ số truyền thống	01.1.1		30.245.218.182	26.953.981.822
1.1.2.	Xổ số cào	01.1.2		223.490.907	-
1.1.3.	Xổ số bốc	01.1.3		2.004.827.270	1.746.145.454
1.1.4.	Xổ số lô tô	01.1.4		63.069.354.548	59.685.518.184
1.2.	Doanh thu kinh doanh khác	01.2		2.430.539.856	2.425.834.547
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		12.462.116.216	11.528.562.451
2.1.	Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		12.462.116.216	11.528.562.451
2.1.1.	Xổ số truyền thống	02.1.1		3.945.028.458	3.515.736.760
2.1.2.	Xổ số cào	02.1.2		29.150.989	-
2.1.3.	Xổ số bốc	02.1.3		261.499.205	227.758.102
2.1.4.	Xổ số lô tô	02.1.4		8.226.437.564	7.785.067.589
2.2.	Giảm trừ doanh thu kinh doanh khác	02.2		-	-
3.	Doanh thu thuần (10=01-02)	10	16	85.511.314.547	79.282.917.556
3.1.	Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		83.080.774.691	76.857.083.009
3.1.1.	Xổ số truyền thống	10.1.1		26.300.189.724	23.438.245.062
3.1.2.	Xổ số cào	10.1.2		194.339.918	-
3.1.3.	Xổ số bốc	10.1.3		1.743.328.065	1.518.387.352
3.1.4.	Xổ số lô tô	10.1.4		54.842.916.984	51.900.450.595
3.2.	Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		2.430.539.856	2.425.834.547
4.	Chi phí kinh doanh	11	17	82.554.118.138	78.106.477.614
4.1.	Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		82.541.769.194	77.405.743.679
4.1.1.	Chi phí trả thưởng	11.1.1		50.341.576.450	46.208.598.523
4.1.2.	Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		32.200.192.744	31.197.145.156
4.2.	Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2		12.348.944	700.733.935
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		2.957.196.409	1.176.439.942
5.1.	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		539.005.497	(548.660.670)
5.2.	Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	20.2		2.418.190.912	1.725.100.612

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	2.585.341.331	3.947.038.065
7.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	2.487.773.700	2.464.904.700
8.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25))	30		3.054.764.040	2.658.573.307
9.	Thu nhập khác	31		19.752.927	6.812.017
10.	Chi phí khác	32		294.797.224	15.382.408
11.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(275.044.297)	(8.570.391)
12.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.779.719.743	2.650.002.916
13.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	610.956.405	533.077.065
14.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		2.168.763.338	2.116.925.851
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	-	-



Vũ Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Lê Thu Hương
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hiền
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		2.779.719.743	2.650.002.916
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02	11	308.670.917	668.134.625
Các khoản dự phòng	03		(151.098.639)	(1.423.210.073)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.585.341.331)	(3.944.098.118)
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		351.950.690	(2.049.170.650)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(1.180.062.484)	(641.920.852)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		33.558.741	(8.525.534)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(705.144.028)	1.766.693.376
Thay đổi chi phí trả trước	12		(326.080.875)	299.247.952
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(770.157.675)	(252.287.509)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.706.258.000)	(2.254.729.155)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.302.193.631)	(3.140.692.372)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(862.549.438)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(105.000.000.000)	(81.764.242.904)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		105.741.425.205	83.394.242.904
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.739.874.859	3.865.735.709
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.618.750.626	5.495.735.709
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(1.683.443.005)	2.355.043.337
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	4.452.505.732	2.097.462.395
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	4	2.769.062.727	4.452.505.732



Vũ Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Lê Thu Hương
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hiền
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hải Phòng trụ sở đặt tại Số 19 phố Điện Biên Phủ, Phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, được thành lập theo Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 30/06/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Công ty Xổ số kiến thiết thành Công ty TNHH MTV Xổ số và đầu tư tài chính Hải Phòng và Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Công ty TNHH MTV Xổ số và đầu tư tài chính Hải Phòng thành Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng; Quyết định số 4837/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng thành Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 20/11/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 05 ngày 07/01/2025 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn Điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là: 72.273.161.900 đồng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có các chi nhánh trực thuộc như sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
1	Chi nhánh Kiến An, An Lão - Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hải Phòng	Số 2 đường Nguyễn Lương Bằng – Phường Phù liễn, Kiến An, Hải Phòng Số 9 đường Nguyễn Văn Trỗi - TT An Lão, An Lão, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
2	Chi nhánh An dương - Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hải Phòng	Số 8 đường 351 Tổ 1 - TT An dương, An Dương, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
3	Chi nhánh Thủy nguyên-Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hải Phòng	Đường Đà nẵng - TT Núi đèo, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
4	Chi nhánh Kiến Thụy - Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hải Phòng	Khu Cẩm xuân - Thị trấn Núi đôi, Kiến Thụy, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
5	Chi nhánh Đồ Sơn, Dương Kinh - Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hải Phòng	Số 250 Lý Thánh Tông - Phường Ngọc Hải, Đồ Sơn, Hải Phòng Khu dân cư Ninh hải, Phường Anh dũng, Kinh Dương, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
6	Chi nhánh Vĩnh Bảo, Tiên Lãng - Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hải Phòng	Đường 20/8 - Thị trấn Vĩnh bảo, Vĩnh Bảo, Hải Phòng Khu 2 - Thị trấn Tiên Lãng, Tiên Lãng, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
7	Chi nhánh Bạch Long Vỹ - Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hải Phòng	Khu dân cư số 1, đường tuyến 2, Bạch Long Vỹ, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
8	Chi nhánh Cát Hải - Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hải Phòng	Tổ 7A, Khu dân phố 2A, TT Cát Bà, Cát Bà, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động xổ số cá cược và đánh bạc

Chi tiết: Hoạt động xổ số, đặt cược, các trò chơi có thưởng

- Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)

- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận

- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Chi tiết: Cho thuê văn phòng

Hoạt động chính: *Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xổ số truyền thống, xổ số bốc và lô tô các loại.*

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng.

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số kiến thiết ban hành theo thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng giá trị hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư ngắn hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư ngắn hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, tại ngày 31/12/2024, không có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay
	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của Chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Quyết định của Chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp trong năm phát sinh từ hoạt động kinh doanh xổ số.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.046.075.200	821.759.300
Tiền gửi ngân hàng	1.722.987.527	1.130.746.432
Các khoản tương đương tiền (*)	-	2.500.000.000
Cộng	2.769.062.727	4.452.505.732

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng Thương mại cổ phần.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hải Phòng	46.600.000.000	-	40.770.000.000	-
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng	3.700.000.000	-	6.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	3.700.000.000	-
Cộng	50.300.000.000	-	50.470.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ PHẢI THU NỘI BỘ**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	299.342.584	241.822.415
Dương Thị Minh Ngọc	95.008.540	98.168.040
Phạm Thị Dinh	124.397.185	71.348.685
Công ty TNHH Venus' Yoga and Dance	66.600.000	56.980.000
Đối tượng khác	13.336.859	15.325.690
Phải thu nội bộ ngắn hạn	2.456.276.971	872.123.678
Chi nhánh Xổ số Đồ Sơn - Dương Kinh	413.105.566	89.212.582
Chi nhánh Xổ số Kiến An, An Lão	19.388.245	-
Chi nhánh Xổ số Thủy Nguyên	165.697.074	-
Chi nhánh Xổ số An Dương	123.980.194	-
Chi nhánh Xổ số Kiến Thụy	498.886.963	317.229.000
Chi nhánh Xổ số Vĩnh Bảo - Tiên Lãng	479.215.500	247.222.404
Chi nhánh Xổ số Cát Hải	659.702.919	144.855.366
Chi nhánh Xổ số Bạch Long Vĩ	96.300.510	73.604.326
Cộng	2.755.619.555	1.113.946.093

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi phải thu	635.133.013	1.361.137.751
Phải thu các chi nhánh	395.253.900	333.918.900
Tạm ứng	214.313.000	324.488.000
Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Thủ Đô	307.359.621	307.359.621
Phải thu khác	245.100.282	146.209.050
Cộng	1.797.159.816	2.473.113.322

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ	64.665.754	93.223.454
Hàng gửi đi bán	23.340.721	23.955.128
Vé xổ số	472.770.425	477.157.059
Cộng giá gốc hàng tồn kho	560.776.900	594.335.641
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	560.776.900	594.335.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	616.015.431	515.399.323
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	616.015.431	515.399.323
Dài hạn	320.352.052	94.887.285
Chi phí duy tu, sửa chữa TSCĐ	304.553.473	40.490.833
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	15.798.579	54.396.452
Cộng	936.367.483	610.286.608

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản thiếu chờ xử lý (*)	685.454.934	685.454.934
Cộng	685.454.934	685.454.934

(*) Phản ánh những khoản phải thu khó có khả năng thu hồi do các đối tượng nợ đã giải thể hoặc đã chết. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với một số đối tượng có đủ hồ sơ trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	27.011.703.748	4.083.532.790	2.032.609.591	628.363.238	-	33.756.209.367
Tăng trong năm	4.326.693.517	-	-	-	1.091.112.037	5.417.805.554
Thanh lý, nhượng bán	(191.012.727)	(211.574.300)	-	-	-	(402.587.027)
Số cuối năm	31.147.384.538	3.871.958.490	2.032.609.591	628.363.238	1.091.112.037	38.771.427.894
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	6.667.518.487	4.083.532.790	1.563.208.805	628.363.238	-	12.942.623.320
Khấu hao trong năm	625.805.411	-	50.069.420	-	27.277.801	703.152.632
Thanh lý, nhượng bán	(182.907.415)	(211.574.300)	-	-	-	(394.481.715)
Số cuối năm	7.110.416.483	3.871.958.490	1.613.278.225	628.363.238	27.277.801	13.251.294.237
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	20.344.185.261	-	469.400.786	-	-	20.813.586.047
Số cuối năm	24.036.968.055	-	419.331.366	-	1.063.834.236	25.520.133.657

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm là: 5.781.890.046 đồng, tại ngày đầu năm là: 6.147.067.982 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Phát sinh tăng trong năm VND	Phát sinh giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
Phải nộp				
Thuế GTGT	824.979.784	9.862.284.787	9.836.816.859	850.447.712
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.117.207.116	12.462.116.216	12.415.386.772	1.163.936.560
Thuế TNDN	381.360.595	610.956.405	770.157.675	222.159.325
Thuế TNCN	243.295.439	538.611.846	710.445.276	71.462.009
Thuế nhà đất	-	386.520.700	386.520.700	-
Các loại thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Cộng	2.566.842.934	23.871.489.954	24.130.327.282	2.308.005.606

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	1.291.229.246	2.263.069.525
Phải trả các chi nhánh	710.914.354	710.914.354
Phí Văn Tư	-	1.000.080.000
Doanh thu chưa thực hiện	262.585.000	264.230.000
Phải trả, phải nộp khác	317.729.892	287.845.171
Dài hạn	508.155.650	508.555.650
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	508.155.650	508.555.650
Cộng	1.799.384.896	2.771.625.175

14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
Dự phòng rủi ro trả thưởng	3.550.275.997	3.701.374.636
Cộng	3.550.275.997	3.701.374.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư XD CD VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	72.194.184.216	-	78.977.687	72.273.161.903
Lợi nhuận trong năm	-	2.116.925.851	-	2.116.925.851
Phân phối lợi nhuận	-	(2.116.925.851)	-	(2.116.925.851)
Số dư đầu năm nay	72.194.184.216	-	78.977.687	72.273.161.903
Lợi nhuận trong năm	-	2.168.763.338	-	2.168.763.338
Trích lập quỹ KTPL	-	(2.168.763.338)	-	(2.168.763.338)
Số dư cuối năm nay	72.194.184.216	-	78.977.687	72.273.161.903

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 72.273.161.900 VND.
 Tại ngày cuối năm, số vốn thực góp của chủ sở hữu như sau:

	Theo Giấy CNDKDN VND	Vốn đã góp đến Số cuối năm VND Tỷ lệ (%)		Vốn đã góp đến Số đầu năm VND Tỷ lệ (%)	
Vốn nhà nước	72.194.184.216	72.194.184.216	100%	72.194.184.216	100%
Cộng	72.194.184.216	72.194.184.216	100%	72.194.184.216	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. DOANH THU THUẦN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu	97.973.430.763	90.811.480.007
Doanh thu kinh doanh xổ số	95.542.890.907	88.385.645.460
<i>Xổ số truyền thống</i>	30.245.218.182	26.953.981.822
<i>Xổ số cào</i>	223.490.907	-
<i>Xổ số bốc</i>	2.004.827.270	1.746.145.454
<i>Xổ số lô tô</i>	63.069.354.548	59.685.518.184
Doanh thu kinh doanh khác	2.430.539.856	2.425.834.547
Các khoản giảm trừ doanh thu	12.462.116.216	11.528.562.451
Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	12.462.116.216	11.528.562.451
<i>Xổ số truyền thống</i>	3.945.028.458	3.515.736.760
<i>Xổ số cào</i>	29.150.989	-
<i>Xổ số bốc</i>	261.499.205	227.758.102
<i>Xổ số lô tô</i>	8.226.437.564	7.785.067.589
Doanh thu thuần	85.511.314.547	79.282.917.556
Hoạt động kinh doanh xổ số	83.080.774.691	76.857.083.009
Hoạt động kinh doanh khác	2.430.539.856	2.425.834.547

17. CHI PHÍ KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí kinh doanh xổ số	82.541.769.194	77.405.743.679
<i>Chi phí trả thưởng</i>	50.341.576.450	46.208.598.523
<i>Chi phí trực tiếp phát hành xổ số</i>	32.200.192.744	31.197.145.156
Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	12.348.944	700.733.935
Cộng	82.554.118.138	78.106.477.614

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.583.098.226	3.944.098.118
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.243.105	2.939.947
Cộng	2.585.341.331	3.947.038.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương viên chức quản lý	2.034.000.000	2.034.000.000
Chi phí khác	453.773.700	430.904.700
Cộng	2.487.773.700	2.464.904.700

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	2.779.719.743	2.650.002.916
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	275.062.282	15.382.408
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	275.062.282	15.382.408
Thu nhập chịu thuế	3.054.782.025	2.665.385.324
Trừ: Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	3.054.782.025	2.665.385.324
Thuế suất thông thường	20%	20%
Giảm 30% theo nghị định 92/2021/NĐ-CP (*)	-	-
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	610.956.405	533.077.065

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương	1.455.917.000	1.385.885.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.



Vũ Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Lê Thu Hương
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hiền
Người lập

